

SỬ DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH THUẬT DỰA TRÊN GIAO TIẾP TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Phạm Ngọc Trường Linh

Trường THPT Marie Curie

jason.pham.101@gmail.com

Ngày nhận bài: 2/1/2018; Ngày duyệt đăng: 7/8/2018

Tóm tắt

Việc dạy từ vựng với phương pháp dịch ngữ pháp (grammar translation method - GTM) ở hầu hết các trường phổ thông của Việt Nam bị chỉ trích do lạm dụng dịch thuật, tập trung quá nhiều vào cấu trúc, hạn chế khả năng giao tiếp; trong khi đó, phương pháp dạy học ngôn ngữ theo hướng giao tiếp (communicative language teaching - CLT) được ưa chuộng hơn vì thúc đẩy người học khám phá và tương tác với nhau. Khả năng tiếp thu từ vựng của học sinh sẽ như thế nào khi dịch thuật được tích hợp với CLT trong hoạt động dịch thuật dựa trên giao tiếp (communication-based translation activity - CTA)? Bài viết đề xuất một số mô hình CTA cho việc dạy và học từ vựng tiếng Anh dựa trên lý thuyết về kiến thức tiếp nhận, kiến thức sản sinh của một từ, và các quy trình củng cố từ vựng của Nation (2001), cùng với các ưu điểm của dịch thuật và CLT. Bài viết đóng vai trò như một tài liệu tham khảo để vận dụng vào thực tế giảng dạy tiếng Anh ở các trường phổ thông của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: kiến thức tiếp nhận, kiến thức sản sinh, quy trình củng cố từ vựng, dịch thuật dựa trên giao tiếp

Using communication-based translation activities in teaching and learning English vocabulary at high school

Abstract

Vocabulary teaching with long lists of L1 equivalents in classes of grammar-translation method (GTM) at most high school contexts in Vietnam is criticized for abusing translation, focusing much on form and structure, lacking space for communicative performance; whereas communicative language teaching (CLT) is preferred in modern language teaching trends because it motivates learners' discovery, participation and communication. How likely is it for EFL high school students to gain a significant improvement in their vocabulary acquisition through translation integrated with CLT in a communication-based translation activity (CTA)? This study suggests some CTA models for teaching and learning EFL vocabulary at high school in Vietnam based on the theories of receptive and productive vocabulary knowledge, and word processes by Nation (2001), together with the advantages of translation and characteristics of CLT. The study may provide practical implications for improving EFL students' vocabulary and communicative performance at high school in Vietnam.

Keywords: receptive vocabulary knowledge, productive vocabulary knowledge, vocabulary processes, communication-based translation

1. Dẫn nhập

Việc đặc thụ từ vựng đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Wilkins (1976: tr. 111) từng nói: 'Không có ngữ pháp thì ta có thể truyền đạt được rất ít, nhưng không có

từ vựng thì không truyền đạt được gì cả'. Tuy nhiên, việc dạy và học từ vựng tiếng Anh ở hầu hết các trường phổ thông của Việt Nam hiện nay đều chưa được chú trọng đúng mức. Các giờ học tiếng Anh chủ yếu dành nhiều thời gian

cho việc rèn luyện ngữ pháp, ghi nhớ và trả bài các dạng thức và nghĩa tương đương tiếng Việt của từ vựng, học sinh do vậy ít có cơ hội được vận dụng các từ mới đã học vào thực tế giao tiếp. Việc học từ vựng với phương pháp dịch ngữ pháp mang lại một số hiệu quả nhất định như dễ truyền đạt, dễ tiếp thu và tiết kiệm thời gian (Nation, 2001: tr. 86), song việc ghi nhớ cùng một lúc nhiều từ tiếng Việt tương đương như vậy lại không mấy dễ dàng cho người học, đặc biệt là với học sinh phổ thông không chuyên tiếng Anh – rất dễ nản lòng trong quá trình học tập. Vấn đề từ vựng nghèo nàn không những hạn chế khả năng tiếp thu các khía cạnh khác của việc học ngôn ngữ mà còn có thể gây ra cho người học sự bối rối, nhầm lẫn và áp lực trong các tình huống giao tiếp thực tế. Trong một cuộc khảo sát được thực hiện với 185 sinh viên ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Thị Như Ngọc, 2009: tr. 5-63), kết quả cho thấy 72% số sinh viên tham gia gặp khó khăn trong việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cơ bản do vốn từ vựng hạn hẹp. Một khảo sát khác được thực hiện với 417 người học ngoại ngữ tiếng Anh cũng cho kết quả tương tự - có đến 38.14% người học có vấn đề trong việc đắc thụ ngôn ngữ do thiếu vốn từ và do vậy không thể học tốt các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (Hasan, 2016: tr. 219).

Dịch thuật được cho là nguyên nhân cho những tình huống tương tự như trên do bám sát cứng nhắc các đặc điểm của phương pháp dịch ngữ pháp (GTM) đã bị chỉ trích lâu nay vì quá chú trọng vào tính bất chước và ghi nhớ (Huang and Wang, 2011: tr. 204). Tuy nhiên, Mogahed (2011: tr. 1) cho rằng vấn đề không nằm ở dịch thuật, mà nằm ở phương pháp GTM đã hiểu và vận dụng không đúng cách dịch thuật, làm tách rời ngôn ngữ với chức năng giao tiếp. Gần đây, dịch thuật đã lấy lại vị trí xứng đáng của mình khi được tích hợp trong các lớp học tiếng Anh theo hướng giao tiếp CLT, một trong những xu hướng dạy ngoại ngữ hiện đại và hiệu quả được sử dụng rộng rãi hiện nay. Việc tích hợp dịch thuật trong CLT đã được đề xuất và thảo luận trong nhiều nghiên cứu. Chẳng hạn, Kiraly (2000), Colina (2003) và Liao (2011) cho rằng việc chuyển đổi ngôn ngữ nên xem xét đến khả năng vận dụng trong giao tiếp; Malmkjaer

(1998) đề xuất tích hợp dịch thuật vào các hoạt động giao tiếp thực tế để củng cố các kỹ năng; trong khi đó, Gohil (2013) và Nguyễn Thị Như Ngọc (2016) đưa ra một số ý tưởng và mô hình ứng dụng dịch thuật dựa trên giao tiếp cho việc dạy và học các kỹ năng cũng như các khía cạnh của ngôn ngữ, đặc biệt là từ vựng.

Trong bài viết này, các hoạt động dịch thuật tích hợp với CLT được gọi là các hoạt động dịch thuật dựa trên giao tiếp (communication-based translation activity – CTA). Các CTA được sử dụng như một phương tiện để vượt qua rào cản văn hóa-ngôn ngữ trong việc đắc thụ ngôn ngữ nhằm thúc đẩy người học vận dụng ngôn ngữ vào các mục đích giao tiếp thực tế. Các câu hỏi cần được trả lời trong bài viết là:

(1) Các mô hình CTA dành cho việc dạy và học từ vựng ở các trường phổ thông của Việt Nam được xây dựng trên nền tảng lý thuyết nào?

(2) Khả năng đắc thụ từ vựng của người học được thể hiện như thế nào trong từng mô hình CTA?

2. Cơ sở lý luận

2.1. Các khía cạnh của đắc thụ từ vựng

Để đánh giá mức độ đắc thụ từ vựng của người học, Nation (2001: tr. 26-28) đề xuất mô hình phân tích kiến thức của một từ với ba khía cạnh – hình thái, ngữ nghĩa và cách dùng. ‘Hình thái’ bao gồm các kiến thức về phát âm (nói), chính tả (viết) và cấu trúc từ (thành phần); ‘ngữ nghĩa’ bao gồm các kiến thức về mối quan hệ giữa hình thái và nghĩa của từ, kiến thức về các nét nghĩa khác nhau của cùng một từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa và trường từ vựng; ‘cách dùng’ của từ liên quan tới các hiểu biết về dạng thức ngữ pháp của từ, khả năng liên kết với các từ khác và hoàn cảnh sử dụng của từ.

Nation (2001: tr. 24-25) nhấn mạnh rằng việc phân tích khả năng đắc thụ từ vựng của người học còn cần lưu ý đến kiến thức tiếp nhận và kiến thức sản sinh của từ. Kiến thức tiếp nhận là khả năng nhận biết dạng thức của từ khi nghe hoặc khi đọc và tái hiện những kiến thức về nghĩa của nó; còn kiến thức sản sinh là khả năng tái hiện lại dạng thức đúng của từ để có thể nói và viết phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

Chẳng hạn, kiến thức tiếp nhận và cách dùng của từ ‘discontented’ (Bảng 1) bao gồm:

Bảng 1. Kiến thức tiếp nhận và cách dùng của từ ‘*discontented*’

Hình thái	Nói	Nhận biết được từ này khi nó được phát âm từ người khác.
	Viết	Phát hiện được từ này khi nó được viết trong câu, đoạn văn.
	Cấu trúc	Nhận biết được thành phần của từ gồm: từ gốc (<i>-content</i>), một hậu tố tính từ (<i>-ed</i>) và một tiền tố phủ định (<i>dis-</i>).
Ngữ nghĩa	Hình thái và ngữ nghĩa	Biết được từ này có nghĩa gốc (<i>-content</i>) là ‘chấp nhận’, thêm hậu tố (<i>-ed</i>) thành tính từ có nghĩa là ‘hài lòng’, và thêm tiền tố phủ định (<i>-dis</i>) thành tính từ mới có nghĩa là ‘không hài lòng’.
	Khái niệm và vật sở chỉ	Biết được từ này chỉ một trạng thái không thỏa mãn (tiêu cực), trái ngược với cảm giác hạnh phúc, hài lòng (tích cực).
	Liên kết	Có khả năng liên tưởng đến những từ liên quan như: <i>contented</i> , <i>happy</i> , <i>unhappy</i> , <i>satisfied</i> , <i>dissatisfied</i> .
Cách dùng	Chức năng ngữ pháp	Biết được từ này là tính từ và do vậy có khả năng đứng trước danh từ hoặc đứng sau các liên động từ (linking verb).
	Kết ngôn	Biết được ‘ <i>discontented</i> ’ thường đi với giới từ ‘ <i>with</i> ’ tạo thành một kết ngôn phổ biến là ‘ <i>discontented with</i> ’.
	Giới hạn sử dụng	Nhận biết được ‘ <i>He felt discontented with the way his life had been improved</i> ’ là câu diễn đạt chưa đúng, trong khi ‘ <i>He felt discontented with the way his life had turned hard</i> ’ là câu diễn đạt đúng trong ngữ cảnh.

Tương tự, kiến thức sản sinh và cách dùng của từ ‘*discontented*’ (Bảng 2).

Bảng 2. Kiến thức sản sinh và cách dùng của từ ‘*discontented*’

Hình thái	Nói	Có khả năng phát âm đúng từ này.
	Viết	Có khả năng viết đúng chính tả từ này.
	Cấu trúc	Có khả năng thành lập từ này với từ gốc được cho sẵn. Ví dụ: <i>content</i> → <i>contented</i> → <i>discontented</i>
Ngữ nghĩa	Hình thái và ngữ nghĩa	Có khả năng thành lập và sử dụng từ ‘ <i>contented</i> ’ với nghĩa là ‘hài lòng’ và thêm tiền tố (<i>-dis</i>) để thành lập và sử dụng từ ‘ <i>discontented</i> ’ với nghĩa ‘không hài lòng’.
	Khái niệm và vật sở chỉ	Có khả năng tái hiện lại từ này để nói hoặc để viết khi muốn diễn đạt một cảm giác tiêu cực khi một tình huống không mong đợi diễn ra.
	Liên kết	Có khả năng sử dụng ‘ <i>dissatisfied</i> ’ hay ‘ <i>unhappy</i> ’ làm từ đồng nghĩa, và ‘ <i>satisfied</i> ’ hay ‘ <i>happy</i> ’ làm từ đồng nghĩa.
Cách dùng	Chức năng ngữ pháp	Có khả năng sử dụng đúng ngữ pháp từ này trong một câu mới.
	Kết ngôn	Có khả năng sử dụng ‘ <i>with</i> ’ đi kèm để tạo một liên kết đúng.
	Giới hạn sử dụng	Có khả năng quyết định có nên sử dụng từ này trong ngữ cảnh này hay không.

2.2. Các quy trình củng cố từ vựng

Việc đặc thụ từ vựng là quan trọng, song làm thế nào để người học có thể đặc thụ từ vựng một cách thật hiệu quả? Nation (2001: tr. 63-70) cho rằng có ba quy trình chung có thể làm cho một từ

được tiếp thu và sử dụng, đó là – chú ý, tái hiện và mở rộng. ‘Chú ý’ có nghĩa là gây sự chú ý tới một từ thông qua hướng dẫn, trình bày hay thảo luận dựa trên độ quan tâm, động lực từ người học để từ đó người học có thể hiểu và sử dụng

từ. ‘Tái hiện’ chỉ hành động nhớ lại nghĩa của từ khi bắt gặp từ đó được trình bày trong bài nghe hoặc bài đọc (tái hiện tiếp nhận), hoặc nhớ lại dạng thức của từ khi có nhu cầu giao tiếp nghĩa của từ trong bài nói hay bài viết (tái hiện sản sinh). ‘Mở rộng’ xảy ra khi người học phát hiện từ được sử dụng với một cách mới chưa từng gặp (mở rộng tiếp nhận) hoặc khi người học vận dụng từ theo một cách mới hiệu quả trong một hoàn cảnh mới (mở rộng sản sinh). Như vậy, các quy trình củng cố từ vựng của Nation (2001) có sự liên kết mạnh mẽ với các khía cạnh của đặc thù từ vựng cũng như các kiến thức tiếp nhận và sản sinh của một từ, do vậy có thể làm cho một từ được ghi nhớ và vận dụng tốt hơn.

2.3. Dịch thuật dựa trên giao tiếp

Mặc dù nhận nhiều chỉ trích do có mối liên quan tới GTM (Newson, 1988; Owen, 2003; Carreres, 2006; Campisi, 2015), song dịch thuật vẫn có nhiều ưu điểm đáng kể trong quá trình đặc thù ngôn ngữ, chẳng hạn như – có thể giúp hiểu rõ ngôn ngữ đang học hơn (kiến thức tiếp nhận) (Duff, 1989; Malmkjaer, 1998; Nord, 2005); dễ nhớ hơn (quy trình hiệu quả) (Nation, 2001); khuyến khích thể hiện ý tưởng bằng ngôn ngữ đang học (kiến thức sản sinh) (Duff, 1994; House, 2009); giảm áp lực, lo lắng và nâng cao khả năng tham gia của người học (thái độ tích cực) (Hervey và cộng sự, 2002; Carreres, 2006).

Ngày càng có nhiều học giả ủng hộ sự kết hợp của dịch thuật với CLT bởi đây được xem như là một trong những phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiệu quả đang được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới. Theo Wilkins (1976) và Johnson (1979), các đặc điểm điển hình của một lớp học với CLT bao gồm: (1) người học làm việc với dự án hoặc bài tập giải quyết vấn đề; (2) người học tự xây dựng kiến thức theo

hướng dẫn của giáo viên; (3) người học được lựa chọn cách vận dụng để giao tiếp tự nhiên; và (4) chất liệu học tập được lấy từ thực tế cuộc sống. Việc vận dụng hướng giao tiếp cho các hoạt động dịch thuật trong lớp học ngoại ngữ được nhiều học giả gọi là ‘dịch thuật dựa trên giao tiếp’ (communication-based translation) (Arranz, 2004; Huang và Wang, 2011; Liao, 2011; Nguyễn Thị Như Ngọc, 2016). Sự kết hợp này được đánh giá cao do có thể khắc phục các hạn chế của dịch thuật khi áp dụng với phương pháp truyền thống GTM, đồng thời còn có thể giúp người học tận dụng dịch thuật để phát huy khả năng giao tiếp.

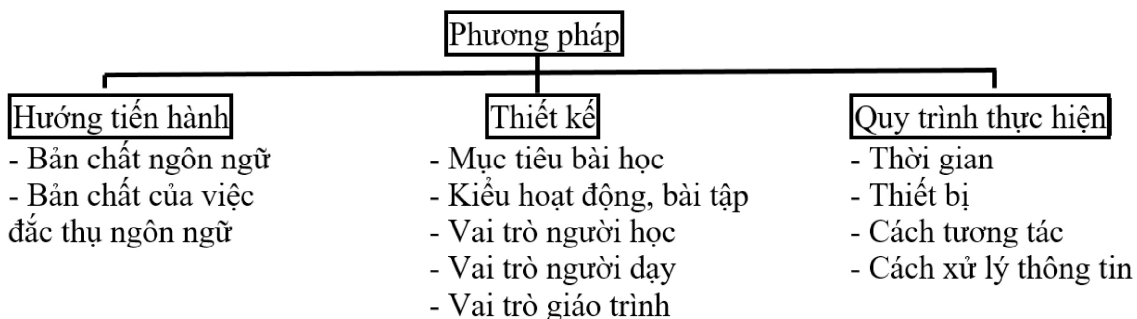
3. Phương pháp xây dựng các hoạt động dịch thuật dựa trên giao tiếp (CTA)

3.1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của các CTA đề xuất trong bài viết này chủ yếu là học sinh phổ thông do: (1) đây là một trong những cấp học đầu đời trong quá trình đặc thù ngoại ngữ, tạo nền tảng kiến thức và kỹ năng cơ bản cho những bước tự học, mở rộng và nâng cao ở những cấp học chuyên sâu và cao hơn; và (2) học sinh phổ thông là đối tượng chưa hình thành nhiều động lực học tập, cần có đa dạng các quy trình tác động nhằm thúc đẩy, củng cố các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, đặc biệt là từ vựng. Do vậy, các CTA đề xuất trong bài viết này được thiết kế với quy trình, ngữ liệu và công cụ phù hợp với giáo trình cũng như tâm sinh lý của học sinh phổ thông.

3.2. Cách thức tiến hành

Theo Richards và Rodgers (2001, tr. 33), một phương pháp giảng dạy ngôn ngữ bao gồm: (1) hướng tiến hành (approach); (2) thiết kế (design); và (3) quy trình thực hiện (procedure).



Hình 1. Các khía cạnh của một phương pháp giảng dạy ngôn ngữ

Các CTA trong bài viết này được thiết kế theo hướng giao tiếp. Theo đó, bản chất của ngôn ngữ được xem như là một công cụ để tương tác với ngữ nghĩa và chức năng giao tiếp được chú trọng cao; việc học ngôn ngữ được diễn ra thông qua các hoạt động tương tác, trải nghiệm, khám phá và giải quyết vấn đề (Richards và Rodgers, 2001: tr. 161). Thiết kế của các CTA được quy định bởi mục tiêu là đặc thụ từ vựng theo chủ đề bài học trong sách giáo khoa với người học làm trung tâm, tự xây dựng kiến thức từ định hướng, hỗ trợ, tư vấn của giáo viên thông qua các hoạt động dịch thuật nâng cao nhận thức. Quy trình thực hiện các CTA được tiến hành dựa trên các quy trình củng cố từ vựng đề xuất bởi Nation (2001) có sử dụng thời gian, thiết bị và cách tương tác phù hợp với từng mục tiêu bài học với ‘dịch thuật dựa trên giao tiếp’ đóng vai trò như một công cụ, làm môi trường để người học có thể tiếp cận và đặc thụ các mục tiêu từ vựng với một hiệu quả đáng kể.

4. Đề xuất một số hoạt động dịch thuật dựa trên giao tiếp (CTA)

4.1. Một số mô hình CTA

Ở phần này, các CTA dành cho việc dạy và học từ vựng tiếng Anh ở phổ thông sẽ được mô tả chi tiết dựa trên các nền tảng lý thuyết đã nêu cùng một số phân tích để thấy được khả năng

đặc thụ từ vựng của người học trong từng CTA. Vì tiếng Anh là ngôn ngữ đích cần đạt trong giảng dạy nên yếu tố dịch thuật trong tất cả các CTA chủ yếu là sự chuyển đổi từ tiếng Việt sang tiếng Anh; sự chuyển đổi ngược lại chỉ được sử dụng ở những từ khó, phức tạp hoặc mang tính trừu tượng.

Giáo viên (T) hay một học sinh nói một từ bất kỳ bằng tiếng Việt, các học sinh (Ss) còn lại tìm bất kỳ từ nào có nghĩa tương đương hoặc gần nghĩa bằng tiếng Anh. Học sinh được phép cho nhiều đáp án khác nhau phù hợp với sở thích và trình độ của mình miễn sự lựa chọn của các em có liên quan đến từ tiếng Việt cho trước. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh đánh vần, viết ra và phát âm từ của mình cho các bạn khác cùng biết.

Hoạt động này nhằm giúp học sinh tái hiện lại hình thái của một từ khi muốn thể hiện một ý nghĩa nhất định (tái hiện sản sinh) thông qua các hoạt động thảo luận, tương tác và hợp tác với nhau cùng tìm từ tương đương hoặc gần nghĩa. Với hoạt động này, kiến thức của học sinh về ngữ nghĩa và hình thái của từ có thể được củng cố ở một mức độ nhất định, chẳng hạn – có thể phát âm và viết đúng chính tả, dạng thức của từ; có thể hiểu được ý niệm biểu đạt của từ và tìm được những từ liên quan.

CTA 1: Vocabulary brainstorming

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa
Quy trình:	Tái hiện sản sinh
Cách thức:	Thảo luận, hợp tác
Thời gian:	5 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra và củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Bảng viết, bút viết
T:	<i>giàu nghị lực</i>
Ss:	<i>strong-willed!</i>
T:	Very good! What else?
Ss:	<i>strong-minded!</i>
T:	Yeah, good! Any other words can you think of?

(Vocabularies extracted from the Reading section, Unit 3, English 10)

Giáo viên đọc một từ/cụm từ bằng tiếng Việt, học sinh nhìn vào danh sách những từ cho sẵn hay một đoạn văn ngắn và đọc lớn từ tiếng Anh tương đương. Trong trường hợp học sinh không

thể nhận ra từ tương đương, giáo viên có thể cho gợi ý hoặc giải thích từ, sau đó hoạt động được tiến hành lại từ đầu để kiểm tra mức độ thông hiểu của học sinh.

Hoạt động này nhằm giúp học sinh tái hiện lại nghĩa của một từ khi dạng thức của từ được bắt gặp trong bài viết. Giáo viên tiết kiệm được thời gian do không cần dạy trước tất cả các từ mới; học sinh tự khám phá các từ khóa cần đạt thông qua hướng dẫn của giáo viên và trao đổi với các bạn. Với hoạt động này, học sinh

có thể củng cố được kiến thức từ vựng ở một số khía cạnh của hình thái, ngữ nghĩa và cách dùng, chẳng hạn – có thể phát âm đúng từ khóa, nhận diện được dạng thức của từ phù hợp với nét nghĩa cho trước, nhận diện được những kết ngôn phổ biến của từ như *'harbor-the dream'*, *'realize-the dream'*.

CTA 2: Vocabulary recognition

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa và cách dùng
Quy trình:	Chú ý, tái hiện tiếp nhận
Cách thức:	Thảo luận, hợp tác, giải thích
Thời gian:	5 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra và củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Danh sách từ khóa, một đoạn văn bản có chứa các từ khóa
T:	In the list/text, which word or phrase means <i>'rất thành công'</i> ?
Ss:	<i>with flying colors!</i>
T:	Very good! <i>'xác định'</i> ?
Ss:	<i>determine!</i>
T:	Yeah, good! <i>'ấp ủ ước mơ'</i> ?
Ss:	<i>harbor the dream!</i>
T:	Excellent! How about <i>'biến giấc mơ thành sự thật'</i> ?
Ss:	<i>realize the dream!</i>
T:	Well-done!

(Vocabularies extracted from the Reading section, Unit 3, English 10)

Giáo viên yêu cầu học sinh gạch dưới một câu trong văn bản có chứa từ khóa cần chú ý và dịch cả câu sang tiếng Việt, từ đó đoán nghĩa và cách sử dụng của từ khóa dựa trên kiến thức của những từ đã biết cũng như ngữ cảnh của câu. Sau đó, học sinh được yêu cầu sử dụng kiến thức của từ khóa mới vừa được tiếp nhận để dịch một câu mới tương tự (mở rộng tiếp nhận) hoặc tự mình đặt một câu mới trong một ngữ cảnh mới (mở rộng sản sinh).

Hoạt động này giúp cho học sinh phát triển

kỹ năng đoán từ trong ngữ cảnh với sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ cũng như các nhận thức rút ra từ thảo luận, tương tác. Thông qua hoạt động này, không những hình thái và ngữ nghĩa của từ được củng cố mà cách sử dụng của từ cũng được mở rộng và nâng cao; chẳng hạn như trong ví dụ trên, học sinh nhận thức được *'lead'* có nghĩa là *'dẫn dắt'* và được sử dụng với cấu trúc *'lead somebody/something to somewhere/something'*.

CTA 3: Vocabulary guessing

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa và cách dùng
Quy trình:	Chú ý, mở rộng tiếp nhận, mở rộng sản sinh
Cách thức:	Thảo luận, tương tác
Thời gian:	10 phút

Áp dụng:	Trước hoặc trong bài học (kỹ năng đọc)
Thiết bị:	Một đoạn văn bản có chứa các từ khóa, bút highlight
T:	Translate the sentence “ <i>He leads the buffalo to the field</i> ”, can you guess the meaning of the word ‘lead’?
Ss:	“ <i>dẫn/dắt</i> ”
T:	Very good! Then how can you say “Anh ta dẫn chúng tôi đến phòng khách” in English?
Ss:	“ <i>He leads us to the living room.</i> ”
T:	Excellent! Can you make another sentence with ‘lead’?

(Vocabularies extracted from the Reading section, Unit 1, English 10)

Một vài câu có chứa từ khóa trong bài đọc được cho bằng tiếng Việt; học sinh được yêu cầu dịch các câu đã cho sang tiếng Anh và đọc to đáp án của mình. Học sinh có thể làm việc cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm tùy vào trình độ tiếng Anh của từng em và độ khó của bài đọc. Học sinh có thể được yêu cầu trả lời mà không cần nhìn vào bài đọc để khích lệ khả năng hiểu và ghi nhớ các từ khóa cùng các thành phần quan trọng đi kèm.

Hoạt động này nhằm giúp học sinh tái hiện lại dạng thức của từ trong câu khi muốn thể hiện một ý nghĩa nhất định (tái hiện sản sinh). Thông qua hoạt động này, dạng thức của từ khi viết và khi nói được củng cố bằng cách nhận diện từ khóa trong bài đọc và phát âm đúng từ khóa; ngoài ra, cách sử dụng từ chính xác trong kết ngôn và ngữ cảnh cũng được kiểm tra và củng cố.

CTA 4: Controlled sentence translation

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện sản sinh
Cách thức:	Tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề
Thời gian:	5 phút
Áp dụng:	Sau bài học (kiểm tra, củng cố mức độ tiếp thu từ vựng)
Thiết bị:	Phiếu bài tập, sách giáo khoa

Mỗi cặp học sinh nhận hai phiếu bài tập khác nhau gồm một số câu chứa các từ khóa đã học – một phiếu bằng tiếng Việt và một phiếu bằng tiếng Anh. Học sinh A đọc một câu trong phiếu bài tập của mình cho học sinh B nghe và dịch sang tiếng Anh; học sinh B làm ngược lại tương tự, cứ thế lần lượt từng câu cho đến khi tất cả các câu trong phiếu bài tập được hoàn thành. Sau đó, một cặp ngẫu nhiên bao gồm một học sinh từ cặp này và một học sinh từ cặp khác được gọi để thực hiện lại hoạt động vừa luyện tập. Vai trò của mỗi học sinh nên được thay đổi sau mỗi giờ học.

Hoạt động này nhằm khích lệ học sinh tái hiện và sử dụng từ đã học trong nhiều ngữ cảnh tương tự (tái hiện tiếp nhận và sản sinh). Tuy

nhiên, học sinh có thể sẽ sử dụng một số từ gần nghĩa tương đương thay vì những từ khóa chủ đích mà hoạt động mong muốn; chẳng hạn, thay vì phải nói ‘*Finally, brother Nam earned a degree in information technology with flying colors*’, học sinh lại nói, ‘*Finally, brother Nam took a degree in information technology very successfully*’. Mặc dù, ngữ nghĩa không khác nhau, song các từ khóa trình bày không phải là những từ mới tiếp thu từ bài học. Vì vậy, giáo viên nên khuyến khích học sinh sử dụng từ khóa vừa học bằng cách cho điểm cao hơn ở những phần dịch có sử dụng đúng từ khóa.

CTA 5: Free sentence translation

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện tiếp nhận, tái hiện sản sinh
Cách thức:	Tương tác, giải quyết vấn đề
Thời gian:	10 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra, củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Phiếu bài tập

Giáo viên cho một tình huống thực tế liên quan tới bài học, trong đó cần một thông dịch viên giữa tiếng Anh và tiếng Việt, yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và tạo một đoạn hội

thoại ngắn. Mỗi nhóm có 5 phút chuẩn bị và 5 phút để trình bày trước lớp. Giáo viên đi tới từng nhóm, quan sát và hỗ trợ khi cần thiết.

CTA 6: Role-play

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Mở rộng tiếp nhận, mở rộng sản sinh
Cách thức:	Tương tác, giải quyết vấn đề, nội dung thực tiễn
Thời gian:	30 phút
Áp dụng:	Trong và sau bài học (luyện tập sử dụng hoặc củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Phiếu hướng dẫn, bài mẫu trên giấy hoặc video

Box: Ví dụ minh họa cho hoạt động dịch thuật dựa trên giao tiếp với role-play

Miss: Hihi, Nhưng trước hết phải đặt chỗ ngồi trên thuyền, các em muốn ngồi ở đâu?
 J: *Alright, but first, we need to **book the seats on board, which seat would you like to take?***
 Ss3: *Well, I often **suffer from travel sickness**, so I need **plenty of fresh air**.*
 J: Em thường bị say sóng, nên em cần chỗ thoáng có nhiều không khí.
 Ss4: *I want to be near Yoko, I don't want to **get sunburnt**.*
 J: Em muốn ngồi gần Yoko, em không muốn bị cháy nắng.
 Ss5: *I have never been on a boat before. I **want a good view**.*
 J: Em chưa bao giờ đi thuyền trước đây, em muốn chỗ có thể thấy được cảnh đẹp.
 Miss: Được rồi, bây giờ cô sẽ đi đặt vé cho các em, các em đợi ở đây nhé?
 J: *Alright, now I am going to **book the tickets** for you guys, please wait here.*
 Ss3: *How about you, miss? Will you sit with us?*
 J: Còn cô thì sao cô Lan? Cô có ngồi chung với chúng em không?
 Miss: À, dĩ nhiên rồi, có lẽ là chúng ta sẽ ngồi ở đâu đó trên đầu tàu hoặc gần đó, cô cũng thích chụp hình.
 J: *Yes, of course, maybe we will sit somewhere **on the sundeck** or nearby, I would like to **take photographs**.*

(Vocabularies extracted from Speaking section, Unit 6, English 10)

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, mở rộng các từ vựng đã học trong những tình huống giao tiếp cụ thể (mở rộng sản sinh), đồng thời phát huy các kỹ năng thuyết

trình, thảo luận, hợp tác và sáng tạo. Bằng cách sử dụng tiếng Việt để hỗ trợ đoạn hội thoại, nội dung trình bày của học sinh sẽ linh hoạt và sâu sắc hơn khi chỉ giao tiếp bằng tiếng Anh. Thông

qua hoạt động này, học sinh hiểu và sử dụng được các kiến thức sản sinh của một từ như – các kết ngôn ‘*book the seats, take the seat, suffer from travel sickness, plenty of fresh air,*

take photographs, on board, on the sundeck’; và hoàn cảnh sử dụng của chúng (khi bàn về chủ đề chuyến đi du lịch).

CTA 7: Translation with pictures

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện sản sinh, mở rộng tiếp nhận, mở rộng sản sinh
Cách thức:	Trò chơi, hợp tác, tương tác, ứng dụng công nghệ thông tin
Thời gian:	15 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra và củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Hình ảnh, máy tính, máy trình chiếu

Học sinh chọn một hộp bất kỳ trên màn hình máy tính, mỗi hộp có chứa một hình ảnh liên quan đến các từ khóa vừa học. Học sinh được yêu cầu nói rõ từ khóa được thể hiện trong bức ảnh là gì và đặt một câu bằng tiếng Anh với từ khóa. Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm, các thành viên khác trong nhóm có thể hỗ trợ nhau khi cần thiết. Sau đó, một học sinh ở nhóm khác sẽ được gọi bất kỳ để dịch câu vừa đặt bằng tiếng Anh sang tiếng Việt. Điểm cộng sẽ được ghi cho nhóm nếu học sinh đó có câu trả lời phù hợp.

Trong hoạt động này, học sinh luyện tập tái hiện hình thái (nói và viết) của một từ để diễn đạt một phạm trù ý nghĩa nhất định (tái hiện sản sinh) và tập sử dụng từ trong nhiều ngữ cảnh khác nhau phù hợp với tình huống của người nói (mở rộng sản sinh) để chia sẻ với người khác (mở rộng tiếp nhận). Các kiến thức sản sinh của từ như phát âm, chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa, kết ngôn, giới hạn sử dụng cùng với các kỹ năng nghe-nói-dịch cơ bản trong giao tiếp do vậy được củng cố không ngừng.

CTA 8: Translator-to-be

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện sản sinh
Cách thức:	Trò chơi, hợp tác, tương tác, ứng dụng công nghệ thông tin
Thời gian:	15 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra và củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Máy thu âm, voice changer app, máy tính, máy trình chiếu

Một vài nhân vật hoạt hình phổ biến như: Xi Trum, Chuột Micky, Người Khổng Lồ, Gấu Trúc, Thỏ Con được chọn thiết kế với tiếng nói lồng vào bằng tiếng Việt có chứa các từ khóa đã học. Học sinh chọn nhân vật mình yêu thích trên màn hình vi tính và dịch sang tiếng Anh những câu nói được phát ra từ nhân vật. Những câu nói trong từng nhân vật được thiết kế từ dễ đến khó, từ chậm đến nhanh với nhiều chất giọng khác nhau phù hợp với từng nhân vật. Có thời gian trống ở giữa các câu nói để học sinh có thời gian

nghe, suy nghĩ và thực hiện hoạt động dịch. Hoạt động này giúp học sinh tái hiện lại dạng thức nói (phát âm) cũng như các kiến thức sản sinh về ngữ nghĩa và cách dùng của từ khi muốn biểu đạt một ý nghĩa nhất định (tái hiện sản sinh). Tuy nhiên, kiến thức sản sinh của từ không chỉ đơn thuần được tái hiện riêng lẻ mà ngược lại được thực hiện đầy đủ trong một câu hoàn chỉnh với từ loại, ngữ nghĩa, chức năng ngữ pháp, kết ngôn và ngữ cảnh phù hợp.

CTA 9: Speedy translation

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện sản sinh
Cách thức:	Trò chơi, tự học, ứng dụng công nghệ thông tin
Thời gian:	15 phút
Áp dụng:	Trước hoặc sau bài học (kiểm tra và củng cố kiến thức)
Thiết bị:	Đồng hồ đếm ngược, máy tính, máy trình chiếu

Một số từ khóa và câu mẫu được trình chiếu lần lượt bằng tiếng Việt; học sinh được yêu cầu dịch các từ đã cho sang tiếng Anh trong thời gian cho quy định (1 phút 30 giây). Với những học sinh ở trình độ thấp hơn, thời gian cho phép có thể dài hơn; hoặc có thể sử dụng đồng hồ tính giờ (stop watch) với những học sinh khá hơn để tìm ra học sinh có thể hoàn thành các từ khóa và câu mẫu đã cho trong thời gian ngắn nhất. Giáo viên ghi chú câu trả lời của học sinh và cho nhận xét và điểm số về cách lựa chọn từ, phát âm cũng như cách sử dụng từ của học sinh.

Hầu hết các kiến thức sản sinh của từ được củng cố trong hoạt động này thông qua quy trình tái hiện sản sinh. Cụ thể, học sinh có thể tìm được dạng thức của từ biểu hiện ý nghĩa đã cho, có thể phát âm và sử dụng đúng từ khóa trong ngữ cảnh, chức năng ngữ pháp và một số kết ngôn phù hợp. Mặt khác, vì thời gian có giới hạn nên học sinh được rèn luyện khả năng phản xạ, suy nghĩ nhanh trong ngôn ngữ chủ đích, từ đó có thể củng cố khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh.

CTA 10: Writing-Translation

Kiến thức:	Hình thái, ngữ nghĩa, cách dùng
Quy trình:	Tái hiện tiếp nhận và sản sinh, mở rộng tiếp nhận và sản sinh
Cách thức:	Dự án, tự học, tương tác, nội dung thực tiễn
Thời gian:	25 phút
Áp dụng:	Trong (kỹ năng viết) hoặc sau bài học (kỹ năng nghe, nói, đọc)
Thiết bị:	Tập ghi chép, bút bi, bút chì

Học sinh được hướng dẫn viết một đoạn văn tiếng Anh ngắn theo chủ đề bài học, sau đó các bài viết được trao đổi ngẫu nhiên với các học sinh khác để đọc và dịch bài viết của bạn mình sang tiếng Việt. Cuối cùng, hai tác giả của hai bài viết sẽ cùng thảo luận với nhau về bài viết – độ chính xác của bản dịch, cách chọn và sử dụng từ vựng...

Hoạt động này sử dụng quy trình tái hiện và mở rộng từ vựng giúp học sinh nhận biết nghĩa của từ trong bài viết (tái hiện tiếp nhận) cũng như chọn lựa từ phù hợp để diễn đạt ý nghĩa của chủ đề bài viết (tái hiện sản sinh), đồng thời có cơ hội được sử dụng từ trong ngữ cảnh của bản

thân (mở rộng sản sinh) và học hỏi cách dùng từ trong ngữ cảnh của người khác (mở rộng tiếp nhận). Thông qua hoạt động này, các kiến thức của từ như hình thái (viết), ngữ nghĩa (từ đồng nghĩa, từ loại) và cách sử dụng từ (ngữ pháp, kết ngôn, ngữ cảnh) được củng cố. Mặt khác, bằng cách làm việc cùng nhau, học sinh được học hỏi nhiều ý tưởng và hạn chế mắc lỗi từ kinh nghiệm của người khác.

Cách thức tiến hành và khả năng đặc thù từ vựng của học sinh trong từng CTA được thể hiện tóm lược trong Bảng 4 với dấu \checkmark được đặt ở những khía cạnh có liên quan hoặc có tiềm năng tiến bộ theo lý thuyết của Nation (2001).

Bảng 4. Cách thức tiến hành và khả năng đặc thù từ vựng của học sinh trong từng CTA

			CTA											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
Các khía cạnh của đặc thù từ vựng	Hình thái	Nói	R				√	√	√					
			P	√	√	√	√	√	√	√	√	√		
		Viết	R		√	√	√	√					√	
			P	√										√
		Cấu trúc	R		√	√	√	√		√			√	
			P	√				√	√	√	√	√	√	
	Ngữ nghĩa	Hình thái và ngữ nghĩa	R		√	√	√	√	√	√			√	
			P	√				√	√	√	√	√	√	
		Khái niệm và vật sở chỉ	R		√	√	√	√	√	√			√	
			P	√				√	√	√	√	√	√	
		Liên kết	R		√	√	√	√	√	√			√	
			P	√				√	√	√	√	√	√	
	Cách dùng	Chức năng	R			√	√						√	
			P			√		√	√		√	√	√	
		Kết ngôn	R		√	√	√						√	
			P			√		√	√	√	√	√	√	
		Giới hạn sử dụng	R			√	√							√
			P	√		√		√	√	√	√	√	√	√
Quy trình củng cố từ vựng	Chú ý			√	√									
	Tái hiện	R		√			√					√		
		P	√			√	√		√	√	√	√		
	Mở rộng	R			√			√	√			√		
		P			√			√	√			√		
	Dịch thuật dựa trên giao tiếp	Dự án, giải quyết vấn đề					√	√	√	√			√	
Tự học, lựa chọn giao tiếp		√			√	√	√	√	√	√	√	√		
Hợp tác, tương tác		√	√	√	√	√	√	√				√		
Nội dung thực tiễn								√	√			√		

Ghi chú:**R** – Receptive (tiếp nhận)**P** – Productive (sản sinh)

1. Vocabulary brainstorming
2. Vocabulary recognition
3. Vocabulary guessing
4. Controlled sentence translation

5. Free sentence translation

6. Role-play

7. Translation with pictures

8. Translator-to-be

9. Speedy translation

10. Writing-Translation

Từ Bảng 4 có thể thấy, điểm mạnh nổi trội của hầu hết các CTA là củng cố kiến thức sản sinh của từ, đặc biệt là cách sử dụng từ khi nói và viết để trình bày và tương tác với người khác trong giao tiếp; điều này rất phù hợp cho học sinh phổ thông khi lâu nay thường chú trọng ngữ pháp và nhận biết nghĩa, cấu trúc của từ thay vì cần phải luyện tập sử dụng từ để giao tiếp thực tế nhiều hơn. Các quy trình sử dụng trong các CTA do vậy cũng chú trọng tái hiện sản sinh và mở rộng nhiều hơn. Bên cạnh đó, dù nội dung thực tiễn lồng ghép không nhiều nhưng các CTA đều được thực hiện theo mô hình CLT, cho phép người học có nhiều cơ hội tương tác và học tập với nhau, có nhiều lựa chọn giao tiếp phù hợp với năng lực và hoàn cảnh thực tế bản thân và tự tiếp thu kiến thức trên cơ sở trải nghiệm, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên. Tuy nhiên, không một CTA nào riêng rẽ có thể bao gồm hết tất cả mọi khía cạnh của đặc thù từ vựng cũng như các quy trình thực hiện liên quan; tùy thuộc vào mục tiêu cần đạt của từng bài học, giáo viên có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều hoạt động khác nhau.

4.2. Một số gợi ý sơ phạm trong việc áp dụng các CTA

Việc ứng dụng các CTA vào thực tế dạy và học từ vựng tiếng Anh ở các trường phổ thông cho học sinh không chuyên cần lưu ý một số vấn đề sau.

Một là, các hoạt động không nên cứng nhắc mà ngược lại nên được thực hiện một cách sáng tạo và linh hoạt tùy mục đích của từng bài học. Ví dụ, Vocabulary recognition có thể kết hợp với Controlled sentence translation và Vocabulary guessing; Translation with pictures kết hợp với Vocabulary guessing để tái hiện hoặc chú ý. Vocabulary brainstorming, Speedy translation và Free sentence translation có thể được thực hiện trước khi vào bài học để kiểm tra kiến thức đạt được của học sinh từ trước; hoặc ở cuối bài học để củng cố lại lượng kiến thức vừa mới được xử lý. Hoạt động Writing-translation có thể được tiến hành ở những giờ học kỹ năng khác như reading, speaking hay listening, không nhất thiết chỉ có ở giờ học writing vì bốn kỹ năng ngôn ngữ chính luôn được tích hợp và bổ trợ nhau trong phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo hướng giao tiếp (Widdowson, 1978). Tương tự, Role-play và Translator-to-be

có thể được ứng dụng không chỉ trong giờ học speaking mà còn có thể được ứng dụng sau các giờ học reading, listening hay writing để củng cố và tăng cường khả năng đặc thù và sử dụng từ vựng của học sinh.

Hai là, mặc dù dịch thuật khá quen thuộc trong các lớp học truyền thống, nhưng hoạt động dịch trong các CTA dựa trên các khía cạnh giao tiếp như thảo luận, trao đổi thông tin trong hoàn cảnh thực tế liên quan lại khá mới đối với học sinh ở phổ thông, nơi mà quá trình học ngoại ngữ thường tập trung nhiều vào ngữ pháp, các bài kiểm tra nhận biết và vận dụng thấp. Vì vậy, các CTA nên được hướng dẫn rõ ràng bằng ví dụ minh họa sinh động trước khi được thực hiện để đảm bảo học sinh có thể nắm được mình cần phải làm gì và đạt được những yêu cầu gì trong từng hoạt động.

Ba là, mặc dù dịch thuật được xem như là một kỹ năng quan trọng trong đặc thù ngôn ngữ và giao tiếp (Tarone và cộng sự, 1983), nhưng trong điều kiện giảng dạy ở phổ thông dịch thuật không phải là kỹ năng chính cần đạt mà chỉ là một công cụ để tiếp cận ngôn ngữ đích. Do vậy, các nội dung dịch thuật trong các hoạt động không nên quá khó hoặc quá mở rộng; và phần trình bày dịch thuật của học sinh không nên được đánh giá quá khắt khe như trong một lớp học kỹ năng dịch, mà trái lại nên cho phép nhiều cách xử lý khác nhau miễn sao phần trình bày có nội dung liên quan và có thể chấp nhận được trong một hoàn cảnh nhất định; các khía cạnh ngữ pháp, văn hóa và phong cách liên quan chỉ nên được chú ý và nhắc nhở ở những lỗi có tính chất quan trọng.

Bốn là, việc ứng dụng công nghệ thông tin để tăng sự hấp dẫn và tương tác trong các CTA nên được cân nhắc. Có nhiều nghiên cứu đã cho thấy một số hiệu quả đáng kể của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (Nguyễn và Henriette, 2014; Luru, 2015; Phạm, 2016). Các hoạt động như Role-play, Translation with pictures, Translator-to-be và Speedy translation chắc chắn phải cần đến sự hỗ trợ của máy tính để thiết kế; do vậy, giáo viên nên tìm tòi, học hỏi thêm về cách sử dụng các chương trình máy tính để có thể tận dụng tối đa tiềm năng của các CTA.

Cuối cùng không kém phần quan trọng là, hoạt động thảo luận, hợp tác, tương tác nên được

cần nhắc khi vận dụng các CTA. Theo Harmer (2007: tr. 43), các hoạt động nhóm có thể giúp học sinh tự đối chiếu, phát hiện và chọn lọc kiến thức, từ đó ghi nhớ tốt hơn và độc lập hơn trong quá trình đặc thù ngôn ngữ.

5. Kết luận

Bài viết đã đề xuất một phương pháp dạy và học từ vựng mới với một số mô hình và phân tích cụ thể. Mặc dù còn nhiều hạn chế về nội dung, cách thức thực hiện cũng như khả năng đặc thù từ vựng của người học, các CTA được đề xuất trong nghiên cứu này về mặt lý thuyết đã thể hiện một số tiềm năng nhất định trong việc giúp cho người học, đặc biệt là học sinh phổ thông, tiếp cận ngôn ngữ đích tốt hơn trong những điều kiện dạy và học tiếng Anh hết sức hạn hẹp hiện nay ở hầu hết các trường phổ thông của Việt Nam. Khả năng đặc thù từ vựng và thái độ của người học trong các CTA nên được khảo sát thực nghiệm ở những nghiên cứu sâu hơn để kết quả có thể được xem xét ứng dụng hiệu quả hơn và rộng hơn ở những hoàn cảnh giảng dạy ngôn ngữ tương tự trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo

- Arranz, J. I. P. (2004). Forgiven, not Forgotten: Communicative translation activities in second language teaching. *Revista Alicantina de Estudios Ingleses*, 17, pp. 239-259.
- Campisi, N. (2015). The use of translation in the language classroom. Retrieved from https://blogs.brown.edu/language_studies/2015/05/20/the-use-of-translation-in-the-language-classroom/
- Carreres, A. (2006). Strange bedfellows: Translation and language teaching. The teaching of translation into L2 in modern languages degrees: Uses and limitations. In *Sixth Symposium on Translation, Terminology and Interpretation in Cuba and Canada. Canadian Translators, Terminologists and Interpreters Council*. Retrieved from http://www.cttic.org/publications_06Symposium.asp.
- Colina, S. (2003). *Translation teaching from research to the classroom: a handbook for teachers*. Boston: McGraw-Hill.
- Duff, A. (1989). *Translation*. Oxford: Oxford University Press.
- Duff, A. (1994). *Translation: Resource Books for Teachers*. Edited by A. Maley. Oxford: Oxford University Press.
- Gohil, S. (2013). Creative Translation Tasks for ELT. *Perspectives of applied academic practice*, 1 (2), pp. 75-76. Retrieved from <http://jpaap.napier.ac.uk/index.php/JPAAP/article/view/83/html>
- Harmer, J. (2007). *How to teach English*. Oxford: Pearson Longman.
- Hasan, L. A. K. (2016). The effect of lack of vocabulary on English language learners' performance with reference to English Department students at Salahaddin University-Erbil. *Zanco journals*, 20 (2), pp. 211-227.
- Hervey, S., Higgins, I., and Haywood, L. (2002). *A course in translation method: Spanish to English*. London: Routledge.
- House, J. (2009). *Translation*. New York: Oxford University Press.
- Huang, K. S. and Wang, T. P. (2011). An investigation of students' attitudes to the utilization of the Communicative Translation Teaching (CTT) in college English translation classrooms. *The Journal of Global Business Management*, 7 (2), pp. 204-211.
- Johnson, K. (1979). Communicative approaches and communicative processes. In *The Communicative Approach to Language Teaching*. London: Oxford University Press.
- Kiraly, D. C. (1995). *Pathways to Translation: Pedagogy and Process*. Kent, Ohio: The Kent State University Press.
- Liao, P. (2011). *Practical Translating Teaching Guide*. Jong Wen Books Co., Ltd.
- Luu, Thị Phương Lan. (2015). *The effects of computer-assisted listening instruction on Vietnamese teachers and students of English*. Ph.D Thesis. New Zealand: University of Auckland.
- Malmkjaer, K. (1998). *Translation and language teaching*. Manchester, UK: St Jerome.
- Mogahed, M. M. (2011). To Use or not to Use Translation in Language Teaching. *Translation Journal*, 15 (4). Retrieved from <http://translationjournal.net/journal/58education.htm>
- Nation, I. S. P. (2001). *Learning Vocabulary in Another Language*. UK: Cambridge University Press.
- Newson, D. (1988). Making the best of a bad job: The teaching and testing of translation. *Annual Meeting of the International Association for Teachers of English as a Foreign Language*. Edinburgh, Scotland.
- Nguyễn, Thị Như Ngọc. (2009). *Difficulties in ESP*

- Accumulation: Cause and Remedies*. Master thesis. University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University Ho Chi Minh City.
- Nguyễn, Thị Như Ngọc. (2016). Teaching and learning vocabulary through communicative translation activities in non-English-majored classes. University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University Ho Chi Minh City.
- Nguyễn, Văn Hán and Henriette, van Rensburg. (2014). The effect of computer-assisted language learning (CALL) on performance in the Test of English for International Communication (TOEIC) listening module. *English language teaching*, 7 (2), pp. 30-41.
- Nord, C. (2005). *Text Analysis in Translation: Theory, Methodology, and Didactic Application of a Model for Translation-Oriented Text Analysis*. Amsterdam: Rodopi.
- Owen, D. (2003). Where's the treason in translation? *Humanising Language Teaching* 5 (1). Retrieved from <http://www.hltnmag.co.uk/jan03/mart1.htm>.
- Phạm, Vũ Phi Hổ. (2016). The effects of e-comments on graduate students' writing at Ho Chi Minh Open University. *Scientific Journal of Saigon University*, 16 (41), pp. 120-132.
- Richards, J. C., and Rodgers, T. S. (2001). *Approaches and methods in language teaching* 2nd ed.. New York: Cambridge University Press.
- Tarone, E., Cohen, A. D., and Dumas, G. (1983). A closer look at some interlanguage terminology: A framework for communication strategies. In C. Faerch, and G. Kasper (Eds.), *Strategies in interlanguage communication*, pp. 4-14. New York: Longman.
- Widdowson, H. G. (1978). *Teaching Language as Communication*. London: Oxford University Press.
- Wilkins, D. A. (1976). *Notional Syllabuses*. London: Oxford University Press.